

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2019.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Thoa.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Phụng.
2. Bà Lý Thị Bé Năm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Công Danh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà Phạm Trà My, kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2019 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2019 giữa các đương sự:

- * ***Nguyên đơn:*** Bà **Lê Thị Kim H**, sinh năm 1990. (Xin vắng mặt)
- Địa chỉ: Ấp K, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
- * ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1985. (Vắng mặt)
- Địa chỉ: Ấp K, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim H trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Thanh T do tìm hiểu và quen biết chúng tôi tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 119/2010 quyền số 01/2010 do UBND xã M cấp ngày 13/12/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.
- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Phước Gia L, sinh ngày 27/6/2010 và Nguyễn Lê Quốc A, sinh ngày 03/11/2013. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn ông Nguyễn Thanh T:***

Ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và triệu tập xét xử nhưng ông T vẫn không đến Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án cũng như không trình bày ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con của bà H.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng không thể hàn gắn được, nên về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về con chung có 02 con chung Nguyễn Phước Gia L, sinh ngày 27/6/2010 và Nguyễn Lê Quốc A, sinh ngày 03/11/2013. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, xét yêu cầu của bà H là phù hợp, bởi ông T không đến Tòa cũng không trình bày nguyện vọng muốn nuôi dưỡng con chung nào, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H về con chung, giao 02 cháu L, A cho bà H nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Lê Thị Kim H trình bày bà và ông Nguyễn Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân do quen biết tìm hiểu, được UBND xã M, thị xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/12/2010 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã xảy ra thời gian dài nhưng vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kim H.

Đối với ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và triệu tập xét xử nhưng ông T vẫn không đến Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án cũng như không trình bày ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con của bà H. HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh T.

Bà Lê Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà H.

Về con chung: có 2 con chung là cháu Nguyễn Phước Gia L, sinh ngày 27/6/2010 và Nguyễn Lê Quốc A, sinh ngày 03/11/2013. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà H là phù hợp, bởi cháu L cũng có văn bản trình bày nguyện vọng được sống với bà H sau khi cha mẹ ly hôn, còn cháu A hiện cũng đang sống cùng bà H. Mặc khác, ông T không đến Tòa theo giấy triệu tập cũng không trình bày bằng văn bản nguyện vọng nuôi dưỡng con chung nào sau khi vợ chồng ly hôn, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H về con chung, giao 02 con chung là cháu L và cháu A cho bà H nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Bà Lê Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Kim H. Cho bà Lê Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2/ Về con chung:

+ Giao 02 con chung tên Nguyễn Phước Gia L, sinh ngày 27/6/2010 và Nguyễn Lê Quốc A, sinh ngày 03/11/2013 cho bà Lê Thị Kim H chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Ông Nguyễn Thanh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Bà Lê Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, bà H đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002071 ngày 10/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, cần trừ nên xem như bà H đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà Lê Thị Kim H và Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã M, TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa